

Số: 1118/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động thanh toán thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Quyết định này sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính có mã: 1.000756 được công bố tại Quyết định số 350a/QĐ-NHNN ngày 01/3/2019; các thủ tục hành chính có mã: 1.002031, 1.003360 được công bố tại Quyết định số 1731/QĐ-NHNN ngày 31/8/2015; thủ tục hành chính có mã: 1.001317 được công bố tại Quyết định 2052/QĐ-NHNN ngày 7/10/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN; (để báo cáo)
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Cục KSTTHC – VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP4(TP.Thảo), TT1(PTHXiêm) /

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 6 năm 2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước

ST T	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định TTHC	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam				
1	Thủ tục chấp thuận bằng văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Vụ Thanh toán)
2	Thủ tục gia hạn văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Vụ Thanh toán)
3	Thủ tục thu hồi văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Vụ Thanh toán)
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Vụ Thanh toán)
5	Thủ tục triển khai hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau khi được cấp Giấy phép	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Cục Công nghệ thông tin)
B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				

1	Thủ tục đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước.	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Sở Giao dịch); NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
---	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------	------------------------------------------------------------------------------------

2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam					
1	1.000756	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Vụ Thanh toán)
2	1.002031	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Vụ Thanh toán)
3	1.003360	Thủ tục thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Vụ Thanh toán)
B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
1	1.001317	Thủ tục Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước	Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt	Hoạt động thanh toán	NHNN Việt Nam (Sở Giao dịch); NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

th

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thủ tục chấp thuận bằng văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng

1.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

- **Bước 2.** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ hoặc không đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

- **Bước 3.** Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu quá 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhưng doanh nghiệp không gửi bổ sung hồ sơ hoặc sau 02 lần gửi mà hồ sơ vẫn không đáp ứng điều kiện thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối chấp thuận và trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, chấp thuận bằng văn bản theo quy định. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;
- Nghị quyết của Hội đồng thành viên, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty về việc

thông qua Bản thuyết minh điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

- Bản thuyết minh các điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại Điều 19 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

- Hồ sơ về nhân sự: Sơ yếu lý lịch, bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách và các cán bộ chủ chốt thực hiện cung ứng dịch vụ này;

- Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Điều lệ công ty (bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu).

1.4. Số lượng hồ sơ: 03 bộ (Đối với hồ sơ nộp trực tiếp và qua bưu chính).

1.5. Thời gian giải quyết: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

1.9. Lệ phí: Không.

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 Nghị định 52/2024/NĐ-CP.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin.

Các cán bộ chủ chốt thực hiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm.

- Có quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ; có biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì số dư tài khoản thanh toán của đơn vị mình tại ngân hàng và tiền mặt lớn hơn số tiền phải trả cho khách hàng tại thời điểm chi trả; quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ; cơ chế quản lý rủi ro; các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp; quy định quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan.

- Có phương án thu gom, vận chuyển tiền mặt đảm bảo cuối ngày nộp vào tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với việc luân chuyển tiền mặt; trang bị các thiết bị đảm bảo việc giao nhận, bảo quản tiền mặt, quy định hạn mức chuyển tiền, nhận tiền, mức tồn quỹ tại các điểm cung cấp dịch vụ; đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

1.12 Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

**DOANH NGHIỆP CUNG ỨNG
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày...tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN KHÔNG QUA TÀI
KHOẢN THANH TOÁN CỦA KHÁCH HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Dại hội đồng cổ đông của Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích ngày... tháng... năm... thống nhất về việc đề nghị được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

(Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích) đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận về việc cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên dùng để giao dịch (nếu có):
2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... được cấp bởi... ngày... tháng... năm...
3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email.
5. Tên, nội dung (các) dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đề nghị cung ứng:
 - ...
 - ...
 - ...

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định

về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản có liên quan. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

2. Thủ tục gia hạn văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng

2.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Trong thời hạn tối thiểu 60 ngày trước khi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng hết thời hạn, doanh nghiệp lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận gia hạn.

- **Bước 2.** Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn văn bản chấp thuận của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét và gia hạn văn bản hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

2.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;
- Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo văn bản chấp thuận kể từ ngày được chấp thuận đến ngày nộp đơn đề nghị;
- Bản sao văn bản chấp thuận đang có hiệu lực.

2.4. Số lượng hồ sơ: 03 bộ (Đối với hồ sơ nộp trực tiếp và qua bưu chính)

2.5. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (gia hạn).

2.9. Lệ phí: Không.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

2.12. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

**DOANH NGHIỆP CUNG ỨNG
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày...tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN KHÔNG QUA TÀI
KHOẢN THANH TOÁN CỦA KHÁCH HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Dại hội đồng cổ đông của Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích ngày... tháng... năm... thống nhất về việc đề nghị được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

(Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích) đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận về việc cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên dùng để giao dịch (nếu có):
2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... được cấp bởi... ngày... tháng... năm...
3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email.
5. Tên, nội dung (các) dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đề nghị cung ứng:
 - ...
 - ...
 - ...

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định

về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản có liên quan. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

3. Thủ tục thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp doanh nghiệp bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp có văn bản thông báo với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc ngày nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về phá sản.

Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi văn bản chấp thuận.

b) Trường hợp doanh nghiệp có đơn đề nghị thu hồi văn bản chấp thuận do chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP.

Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận được đơn đề nghị thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi văn bản chấp thuận.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

3.3. Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 (đối với trường hợp tại điểm b mục 3.1) hoặc Văn bản thông báo (đối với trường hợp tại điểm a mục 3.1).

3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.5. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp.

3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi Văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

3.9. Lệ phí: Không.

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thu hồi Văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 05 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

3.12 Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

**DOANH NGHIỆP CUNG ỨNG
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI VĂN BẢN CHẤP THUẬN
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN
KHÔNG QUA TÀI KHOẢN THANH TOÁN CỦA KHÁCH HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông của Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích ngày... tháng... năm... thống nhất về việc đề nghị thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng tại Quyết định số... ngày... tháng... năm... do Ngân hàng Nhà nước cấp;

(Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích) đề nghị thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng kể từ ngày... tháng... năm..., do đó chúng tôi đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét thu hồi Quyết định số... ngày... tháng... năm... về việc chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên dùng để giao dịch (nếu có):
2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... được cấp bởi... ngày... tháng... năm...
3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:
5. Văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng Quyết định số... do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày... tháng... năm...

6. Lý do đề nghị thu hồi: (ghi cụ thể theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt).

7. Thời gian chấm dứt cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng:

Chúng tôi cam kết đã hoàn thành việc xử lý nghĩa vụ thuế, các khoản nợ, tài sản, quyền lợi khách hàng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Đơn này. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

4. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

4.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Tổ chức lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- **Bước 2.** Căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiến hành xem xét hồ sơ, cụ thể:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ. Trường hợp thành phần hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đề nghị cấp Giấy phép không gửi lại hồ sơ hoặc hồ sơ bổ sung của tổ chức không đáp ứng thành phần thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức;

- **Bước 3.** Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức, trong đó nêu rõ lý do;

Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép được tự gửi bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tối đa 02 lần; thời gian nộp hồ sơ tự bổ sung, hoàn thiện của tổ chức tối đa không vượt quá 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- *Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.*

4.3. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty về việc thông qua Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật;

c) Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

d) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật;

đ) Hồ sơ về nhân sự: sơ yếu lý lịch theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024, bản sao các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của pháp luật (trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng); văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

e) Bản sao các tài liệu chứng minh tổ chức đề nghị cấp Giấy phép được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương; Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức; giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

g) Văn bản cam kết và tài liệu chứng minh của chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập của tổ chức về việc đảm bảo duy trì giá trị thực có của vốn điều lệ;

h) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử: phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP; văn bản thỏa thuận kết nối với các tổ chức tham gia, có nội dung cam kết không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử; tài liệu chứng minh cơ sở hạ tầng thông tin, hệ thống máy chủ đáp ứng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 22 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

i) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế: Quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn hệ thống thanh toán quốc tế để kết nối thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch thanh toán quốc tế; quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ với các biện pháp quản lý rủi ro đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đề nghị

cấp phép; bản sao tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức thành lập hoặc đặt trụ sở chính cấp; phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

4.4. Số lượng hồ sơ: Trường hợp nộp hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép gửi 02 bộ hồ sơ và 06 đĩa CD (hoặc 06 USB) lưu trữ bản quét Bộ hồ sơ đầy đủ.

4.5. Thời gian giải quyết: 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

4.9. Lệ phí: 10.000.000 đồng

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

- Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

- Sơ yếu lý lịch theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

- Phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Có giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; trường hợp cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, tổ chức phải đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

b) Có vốn điều lệ thực góp hoặc được cấp tối thiểu: 50 tỷ đồng đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ cổng thanh toán điện tử; 300 tỷ

đồng đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn đã góp hoặc vốn được cấp;

c) Có Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

d) Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm là người quản lý, người điều hành của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật; phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam (Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền).

Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm;

đ) Có Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật;

e) Đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ cho các khách hàng có tài khoản tại nhiều ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ phải được một tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính và dịch vụ bù trừ điện tử được Ngân hàng Nhà nước cấp phép để thực hiện chuyển mạch giao dịch tài chính và xử lý bù trừ các nghĩa vụ phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức;

g) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ nêu trên, tổ chức cung ứng dịch vụ phải: được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; có thỏa thuận kết nối với ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tổng vốn điều lệ trong năm liền kế trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; có cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng tối thiểu theo yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 theo quy định của pháp luật, đảm bảo khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống kỹ thuật

của tổ chức tham gia có thỏa thuận kết nối; có hệ thống máy chủ thực hiện theo quy định pháp luật và đáp ứng năng lực xử lý tối thiểu 10 triệu giao dịch thanh toán/ngày;

Tổ chức tham gia không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử;

h) Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ phải có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển mạch tài chính còn hiệu lực; được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế để thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch thanh toán quốc tế; có quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đề nghị cấp phép và tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế kết nối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế phải được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài.

4.12 Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu của.....(1).....số..... ngày... tháng... năm... thống nhất về việc đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... được cấp bởi..... ngày... tháng... năm...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email.

5. Tên (các) dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép:

.....

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; không sao chép, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

NỘI DUNG ĐỀ ÁN CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Đề án cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tối thiểu phải có các nội dung sau:

STT	Nội dung	Tiêu chí cụ thể
1	Giới thiệu chung về tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên tổ chức. - Quá trình hình thành và phát triển. - Các ngành, nghề kinh doanh. - Định hướng cung ứng và triển khai cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau khi được cấp Giấy phép. - Các nội dung liên quan khác (nếu có).
2	Quy trình nghiệp vụ kỹ thuật của dịch vụ đề nghị cấp phép	<ul style="list-style-type: none"> - Tên dịch vụ. - Phạm vi cung ứng. - Đối tượng khách hàng. - Điều kiện sử dụng. - Sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện nghiệp vụ. - Quy trình dòng tiền từ lúc khởi tạo giao dịch đến lúc quyết toán nghĩa vụ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ ví điện tử và dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ.
3	Cơ chế mở, duy trì số dư tài khoản đảm bảo thanh toán, mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán đối với dịch vụ ví điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử phải mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ ví điện tử. - Việc duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử. - Mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử theo

		quy định của pháp luật.
4	Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ	- Xây dựng cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ tuân thủ quy định pháp luật.
5	Quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ	- Xây dựng quy định nội bộ về kiểm tra, kiểm soát nội bộ, trong đó có các nội dung bao gồm: Mục đích, yêu cầu; trình tự thực hiện; trách nhiệm của bộ phận liên quan.
6	Quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN trong hoạt động ngân hàng điện tử. - Quy định về việc lập, sử dụng, bảo quản, lưu trữ chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng. - Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp quản lý rủi ro tương ứng trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. - Xây dựng quy trình nội bộ về chính sách, biện pháp xử lý rủi ro cụ thể.
7	Các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguyên tắc chung về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. - Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
8	Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định về việc giải quyết hoặc trả lời các khiếu nại, tra soát của khách hàng, trong đó thể hiện rõ: Các kênh tiếp nhận, bộ phận tiếp nhận, các bước hướng dẫn khách hàng khiếu nại, khâu xử lý khiếu nại trong nội bộ tổ chức trung gian thanh toán và khi phải phối hợp với các đơn vị liên quan. - Quy trình, thủ tục, trách nhiệm cụ thể của từng bên liên quan, thời gian thực

		hiện từng bước và kết quả trả lại cho khách hàng khiếu nại.
9	Phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, bù trừ điện tử, chuyển mạch tài chính quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện quyết toán. - Phạm vi quyết toán. - Điều kiện thực hiện quyết toán. - Đồng tiền quyết toán; tỷ giá áp dụng (nếu có). - Tài khoản quyết toán. - Quy trình quyết toán: Thời gian quyết toán, sơ đồ và diễn giải các bước thực hiện quyết toán, giải quyết tranh chấp, phí, các biện pháp nhận diện, phòng ngừa, xử lý rủi ro trong quá trình quyết toán (bao gồm rủi ro quyết toán các nghĩa vụ tài chính khi các bên tham gia mất khả năng thanh toán). - Quyền và trách nhiệm các thành viên và các bên liên quan. - Mối liên hệ với các hệ thống thanh toán khác (nếu có).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH ⁽¹⁾

1. Về bản thân

- Họ và tên đầy đủ:
- Ngày, tháng, năm sinh*:
- Quốc tịch/các quốc tịch (nếu có)*:
- Nơi thường trú*:
- Nơi ở hiện tại (trường hợp khác với nơi đăng ký thường trú):

Ảnh hộ chiếu
(4 x 6cm)

- Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân) hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng minh cá nhân hợp pháp khác:.....; Ngày cấp:.....; Có giá trị đến:.....; Nơi cấp:.....

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông:
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp):

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay ⁽²⁾:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽³⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ ⁽⁴⁾	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú

- Khen thưởng, kỷ luật:

4. Năng lực hành vi dân sự ⁽⁵⁾

5. Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này)

6. Quan hệ nhân thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em ruột)

7. Tôi (họ và tên của người kê khai sơ yếu lý lịch) xin cam kết:

- Đáp ứng điều kiện để giữ chức danh... tại ... (tên Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán).

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

**XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN
CỦA ĐƠN VỊ CÔNG TÁC**

..., ngày... tháng... năm....

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

1. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

2. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

3. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

4. Nêu rõ nếu nhân sự là người quản lý, người điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

5. Ghi cụ thể: đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự.

Trường hợp NHNN có thể truy cập, khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, người khai là công dân Việt Nam thì không bắt buộc phải kê khai các thông tin đánh dấu (*).

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

5. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

5.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

- **Bước 2.** Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức trong đó nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

5.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

- Bản sao Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán còn hiệu lực;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thay đổi tên doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

- Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- Trường hợp đề nghị kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế bổ sung thêm các tài liệu: Quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn hệ thống thanh toán quốc tế để kết nối thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch thanh toán quốc tế; quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ với các biện pháp quản lý rủi ro đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đề nghị cấp phép; bản sao tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức thành lập hoặc đặt trụ sở

chính cấp; phương án được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan quy định tại Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

5.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.5. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

5.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

5.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

5.9. Lệ phí: Không.

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

5.12. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

**TÊN TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH
VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày...tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Dại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu của ... (1)... thống nhất về việc thay đổi tên tổ chức/địa điểm đặt trụ sở chính/ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép/kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế tại Giấy phép số... ngày... tháng... năm...;

Căn cứ Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm... được cấp lần thứ... bởi...;

Căn cứ lý do khác (nếu có)

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

3. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

4. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép (chọn ô tương ứng):

☐ Thay đổi tên tổ chức

Tên Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán sau khi thay đổi:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):

- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

☐ Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

Địa điểm đặt trụ sở chính thay đổi:

☐ Ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép

- Tên (các) dịch vụ trung gian thanh toán ngừng cung ứng:

- Thời gian dự kiến ngừng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

☐ Kết nối thêm hệ thống thanh toán quốc tế của tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Đơn này. Đối với trường hợp ngừng cung cấp một hoặc một số dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép, chúng tôi cam kết đã hoàn thành việc xử lý nghĩa vụ thuế, các khoản nợ, tài sản, quyền lợi khách hàng. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

1.

2.

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

6. Thủ tục triển khai hoạt động sau khi được cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

6.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Tối thiểu 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ra thị trường và không quá 06 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải thông báo và cung cấp tài liệu chứng minh cho Ngân hàng Nhà nước.

- **Bước 2.** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu, Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm tra thực tế tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và có văn bản thông báo về việc đáp ứng hoặc không đáp ứng theo quy định.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc

6.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản thông báo của tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

- Tài liệu chứng minh Hệ thống kỹ thuật đáp ứng điều kiện quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 22 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

- Bản sao Biên bản nghiệm thu kỹ thuật các dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép với một ngân hàng hợp tác đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024;

- Tài liệu chứng minh được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đáp ứng điều kiện quy định tại điểm g, điểm h khoản 2 Điều 22 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

6.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.5. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

6.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

6.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Công nghệ thông tin).

6.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước.

6.9. Lệ phí: Không.

6.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bản sao Biên bản nghiệm thu kỹ thuật các dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp phép với một ngân hàng hợp tác đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

6.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Hệ thống kỹ thuật đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 22 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024; đáp ứng quy định tại điểm g, điểm h khoản 2 Điều 22 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, như sau:

- Có Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đề nghị cấp Giấy phép được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật;

- Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 22 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024, tổ chức cung ứng dịch vụ phải: được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; có thỏa thuận kết nối với ít nhất 50 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tổng vốn điều lệ trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chiếm trên 65% tổng vốn điều lệ của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống các tổ chức tín dụng và ít nhất 20 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; có cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng tối thiểu theo yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 theo quy định của pháp luật, đảm bảo khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống kỹ thuật của tổ chức tham gia có thỏa thuận kết nối; có hệ thống máy chủ thực hiện theo quy định pháp luật và đáp ứng năng lực xử lý tối thiểu 10 triệu giao dịch thanh toán/ngày;

Tổ chức tham gia không được kết nối quá 02 tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử;

- Đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, tổ chức cung ứng dịch vụ phải có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển mạch tài chính còn hiệu lực; được một tổ chức thực hiện quyết toán kết quả bù trừ giữa các bên liên quan; có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế để thực hiện chuyển mạch tài chính các giao dịch thanh toán quốc tế; có quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế đề nghị cấp phép và tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế kết nối với tổ chức cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế phải được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài.

6.12. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KỸ THUẬT

(Biên bản nghiệm thu kỹ thuật các dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép với một ngân hàng hợp tác đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử tối thiểu phải có các nội dung sau:)

1. Thông tin Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên tổ chức.
- Người đại diện hợp pháp của tổ chức; chức vụ.
- Địa chỉ trụ sở chính.
- Điện thoại liên lạc.
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

2. Thông tin ngân hàng hợp tác:

- Tên ngân hàng.
- Người đại diện hợp pháp của ngân hàng; chức vụ.
- Địa chỉ trụ sở chính.
- Điện thoại liên lạc.
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

3. Các nội dung chính của Biên bản nghiệm thu kỹ thuật

Căn cứ kết quả triển khai nghiệm thu kỹ thuật dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép, hai bên cùng ký kết Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (các dịch vụ trung gian thanh toán với các nội dung sau:

- Tên (các) dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện nghiệm thu kỹ thuật.
- Thời gian thực hiện (sau thời điểm cấp Giấy phép cung ứng (các) dịch vụ trung gian thanh toán).
- Môi trường thực hiện:
- Các nghiệp vụ/chức năng thực hiện nghiệm thu kỹ thuật (nếu có).
- Nội dung thử nghiệm
- Kết quả nghiệm thu kỹ thuật (đối với từng dịch vụ trung gian thanh toán).
- Đánh giá kết quả nghiệm thu kỹ thuật.
- Kịch bản nghiệm thu kỹ thuật (nếu có).
- Các nội dung liên quan khác (nếu có).

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ
TRUNG GIAN THANH TOÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

7. Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1.

+ Đối với trường hợp hết hạn Giấy phép: Tối thiểu 60 ngày trước ngày hết thời hạn hoạt động ghi trên Giấy phép, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải gửi Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước.

+ Đối với trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác: Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 trong đó nêu rõ lý do.

- **Bước 2.** Căn cứ vào hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp lại Giấy phép hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Tru sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- *Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.*

7.3. Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp đề nghị cấp lại do hết thời hạn Giấy phép, hồ sơ gồm: *đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024; báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo Giấy phép kể từ ngày được cấp Giấy phép đến ngày nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy phép và bản sao Giấy phép đang có hiệu lực tới Ngân hàng Nhà nước;*

- Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác, hồ sơ gồm: đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán *theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.*

7.4. Số lượng hồ sơ: *Trường hợp đề nghị cấp lại do hết thời hạn Giấy phép: 03 bộ hồ sơ (Đối với hồ sơ nộp trực tiếp và qua bưu chính); Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác: 01 bộ hồ sơ.*

7.5. Thời gian giải quyết:

- Trường hợp đề nghị cấp lại do hết thời hạn Giấy phép: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác: *10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.*

7.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

7.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

7.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

7.9. Lệ phí: 5.000.000 đồng

7.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

7.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

7.12. Căn cứ pháp lý của TTHC: *Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.*

TÊN TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG GIAN THANH TOÁN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số... được cấp bởi... ngày... tháng... năm...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

5. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp số... ngày... tháng... năm...

6. Lý do đề nghị cấp lại Giấy phép (chọn ô tương ứng):

☐ Hết thời hạn Giấy phép.

☐ Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác.

Trường hợp tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép vì hết thời hạn Giấy phép, Tổ chức cung cấp tài liệu chứng minh việc duy trì các điều kiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp Giấy phép tại thời điểm gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép đến Ngân hàng Nhà nước.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong Đơn và Hồ sơ đính kèm (nếu có). Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

8. Thủ tục thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

8.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 có đơn đề nghị thu hồi Giấy phép theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định này gửi Ngân hàng Nhà nước

- **Bước 2.** Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận được Đơn đề nghị thu hồi Giấy phép của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Tru sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

8.3. Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

8.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.5. Thời gian giải quyết: Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận được Đơn đề nghị thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

8.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

8.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán).

8.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

8.9. Lệ phí: Không.

8.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị thu hồi Giấy phép theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

8.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

8.12 Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

**TÊN TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ
TRUNG GIAN THANH TOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG
DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu của ... (1)... thống nhất về việc ngừng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép tại Giấy phép số... ngày... tháng... năm...;

...(1)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số ngày.... tháng... năm ... với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
 - Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
 - Tên dùng để giao dịch (nếu có):
2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số... được cấp bởi... ngày... tháng... năm...
3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:
5. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán số... ngày... tháng... năm... do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.
6. Lý do đề nghị thu hồi (chọn ô tương ứng):
 - ☐ Tổ chức bị giải thể hoặc phá sản.
 - Tài liệu đính kèm:

☐ Chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

- Tài liệu đính kèm:

- Thời gian dự kiến chấm dứt cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

Chúng tôi cam kết đã hoàn thành việc xử lý nghĩa vụ thuế, các khoản nợ, tài sản, quyền lợi khách hàng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Đơn này. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.

Ghi chú: ...(1)... Tên tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thủ tục Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước

1.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Tổ chức đề nghị mở tài khoản thanh toán gửi 01 bộ hồ sơ mở tài khoản thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 đến Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) nơi đề nghị mở tài khoản thanh toán;

- **Bước 2.** Ngân hàng Nhà nước tiến hành kiểm tra các thành phần hồ sơ và đối chiếu với các yếu tố đã kê khai tại đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán, đảm bảo sự khớp đúng, chính xác.

- **Bước 3.** Trong trường hợp hồ sơ mở tài khoản thanh toán chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc còn có sự sai lệch giữa các yếu tố kê khai tại đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán với các tài liệu liên quan trong hồ sơ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở tài khoản thanh toán Ngân hàng Nhà nước thông báo cho tổ chức đề nghị mở tài khoản biết để hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức đề nghị mở tài khoản có trách nhiệm gửi bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của Ngân hàng Nhà nước. Sau thời hạn trên, Ngân hàng Nhà nước sẽ có văn bản từ chối mở tài khoản thanh toán và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị mở tài khoản.

- **Bước 4.** Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ mở tài khoản thanh toán hợp lệ của tổ chức đề nghị mở tài khoản thanh toán, Ngân hàng Nhà nước xử lý việc mở tài khoản thanh toán cho tổ chức. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước từ chối mở tài khoản thanh toán thì phải thông báo lý do cho tổ chức biết bằng văn bản.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trục sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.3. Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán kèm bản đăng ký mẫu dấu, mẫu chữ ký theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản thanh toán ký tên, đóng dấu;

+ Các tài liệu chứng minh tổ chức mở tài khoản thanh toán được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng

nhận đăng ký doanh nghiệp, *giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã* hoặc *giấy tờ có giá trị tương đương*;

+ Các tài liệu chứng minh tư cách đại diện của người đại diện *theo pháp luật* hoặc *người đại diện theo ủy quyền* của tổ chức mở tài khoản thanh toán và thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đó;

+ Văn bản hoặc quyết định bổ nhiệm và *thẻ căn cước*, thẻ căn cước công dân, *căn cước điện tử* hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước của tổ chức mở tài khoản thanh toán.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.5. Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ mở tài khoản thanh toán hợp lệ.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước xác nhận về việc mở tài khoản thanh toán của tổ chức.

1.9. Lệ phí: Không.

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

1.12 Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

TÊN TỔ CHỨC MỞ TÀI KHOẢN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày....tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN
TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

Tên tổ chức mở tài khoản thanh toán (Chủ tài khoản):.....

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Tên dùng để giao dịch:.....

Quyết định thành lập số:..... Ngày cấp.....

Nơi cấp:.....

Giấy phép hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

Website:..... Email:.....

Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....

Phạm vi đại diện:.....

Ngày, tháng, năm sinh*:..... Giới tính (Nam/Nữ)*:.....

Quốc tịch*:..... là người cư trú/không cư trú:.....

Nơi thường trú*:.....

Nơi ở hiện tại (trường hợp khác với nơi thường trú):..... Điện thoại:.....

Quyết định bổ nhiệm số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân) hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu:.....; Ngày cấp:.....; Có giá trị đến:.....; Nơi cấp:.....

Họ và tên Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán hoặc người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước):

Ngày, tháng, năm sinh*:..... Giới tính (Nam/Nữ)*:.....

Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân) hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu:.....; Ngày cấp:.....; Có giá trị đến:.....; Nơi cấp:.....

Quyết định bổ nhiệm số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị mở tài khoản thanh toán tại:.....

Loại tiền tệ: ☐ VND ☐ USD ☐ Loại khác.....

Chúng tôi cam kết:

- Những thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán đính kèm.

- Chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và xin chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong trường hợp chúng tôi không thực hiện đúng, đầy đủ quy định về mở và sử dụng tài khoản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

- Có văn bản (kèm các giấy tờ liên quan) gửi Ngân hàng Nhà nước khi có bất kỳ sự thay đổi nào về thông tin mở tài khoản thanh toán hoặc mẫu dấu, mẫu chữ ký đã đăng ký sử dụng với Ngân hàng Nhà nước.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:

- 1) Bản đăng ký mẫu dấu và chữ ký kèm văn bản ủy quyền (nếu có);
- 2) Quyết định số.....
- 3)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Sau khi kiểm soát và xác định hồ sơ mở tài khoản thanh toán của.....
 là đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước
 đồng ý mở tài khoản thanh toán số: cho.....
 Ngày bắt đầu hoạt động:.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH
 NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC/
 GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
 CHI NHÁNH.....**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp Ngân hàng Nhà nước nơi tiếp nhận Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán đủ điều kiện truy cập, khai thác thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì không bắt buộc tổ chức mở tài khoản thanh toán phải kê khai các thông tin đánh dấu (*).

BẢN ĐĂNG KÝ MẪU DẤU, CHỮ KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

(Đính kèm Đơn đề nghị mở tài khoản số..... ngày... của.....)

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ giao dịch:..... Điện thoại giao dịch:.....

Tên tài khoản thanh toán:.....

Số tài khoản thanh toán:.....

Nơi mở tài khoản thanh toán:.....

Đăng ký mẫu chữ ký và mẫu dấu sẽ sử dụng trên các chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước..... như sau:

1. Mẫu chữ ký

Người đăng ký mẫu chữ ký	Mẫu chữ ký thứ nhất	Mẫu chữ ký thứ hai
1. Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản: 1.1. Người đại diện hợp pháp thứ nhất: Họ và tên:..... Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân)/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Có giá trị đến: Nơi cấp:..... Phạm vi đại diện:.....		
1.2. Người đại diện hợp pháp thứ hai: Họ và tên:..... Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân)/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Có giá trị đến: Nơi cấp:..... Phạm vi đại diện:.....		

<p>1.3. Người đại diện hợp pháp thứ ba:</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân)/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu:.....</p> <p>Ngày cấp:.....</p> <p>Có giá trị đến:</p> <p>Nơi cấp:.....</p> <p>Phạm vi đại diện:.....</p>		
<p>2. Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước) và người được ủy quyền</p>		
<p>2.1. Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước):</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân)/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu:.....</p> <p>Ngày cấp:.....</p> <p>Có giá trị đến:</p> <p>Nơi cấp:.....</p>		
<p>2.2. Người được ủy quyền thứ nhất:</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân)/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu:.....</p> <p>Ngày cấp:.....</p> <p>Có giá trị đến:</p> <p>Nơi cấp:.....</p> <p>Văn bản ủy quyền số..... ngày.....</p> <p>Thời hạn ủy quyền:.....</p> <p>Phạm vi ủy quyền:.....</p>		
<p>2.3 Người được ủy quyền thứ hai:</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Số định danh cá nhân (đối với thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân)/số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu:.....</p> <p>Ngày cấp:.....</p> <p>Có giá trị đến:</p> <p>Nơi cấp:.....</p> <p>Văn bản ủy quyền số..... ngày.....</p> <p>Thời hạn ủy quyền:.....</p> <p>Phạm vi ủy quyền:.....</p>		

2. Mẫu dấu

Mẫu dấu thứ nhất	Mẫu dấu thứ hai

..... ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Sau khi xác định mẫu chữ ký và mẫu dấu của..... là hợp lệ,
 Ngân hàng Nhà nước..... chấp thuận với Bản đăng ký mẫu dấu, chữ
 ký sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước..... kèm
 theo tài khoản thanh toán số: của.....

Thời điểm bắt đầu có hiệu lực:.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC/
GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Thủ tục đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước

2.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Tổ chức có nhu cầu đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước lập đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán và yêu cầu xử lý số dư tài khoản thanh toán (nếu có) theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký tên, đóng dấu và gửi Ngân hàng Nhà nước (nơi mở tài khoản thanh toán);

- **Bước 2.** Ngân hàng Nhà nước tiến hành kiểm tra, đối chiếu thông tin trên đơn đề nghị với thông tin tài khoản và xử lý số dư trên tài khoản thanh toán theo yêu cầu của chủ tài khoản (nếu có).

- **Bước 3.** Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán của tổ chức, Ngân hàng Nhà nước xử lý việc đóng tài khoản thanh toán.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trục sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc
- Qua dịch vụ bưu chính; hoặc
- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

2.3. Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.5. Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán của tổ chức.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước xác nhận về việc đóng tài khoản thanh toán của tổ chức.

2.9. Lệ phí: Không.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

2.12 Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

TÊN TỔ CHỨC ĐÓNG TÀI KHOẢN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN
TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

Tên tổ chức đề nghị đóng tài khoản thanh toán (chủ tài khoản):.....

.....

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Tên dùng để giao dịch:.....

Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

Website:..... Email:.....

Đề nghị đóng tài khoản thanh toán số hiệu:.....

mở tại

Số dư trên tài khoản thanh toán đề nghị xử lý như sau:

.....

.....

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến tài khoản thanh toán với Ngân hàng Nhà nước.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Sau khi kiểm tra, xử lý Đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán của.....

.....và đảm bảo..... đã
hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến tài khoản thanh toán tại Ngân hàng
Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước đồng ý đóng tài khoản
thanh toán số hiệu..... cho..... từ
ngày.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC/

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

CHI NHÁNH.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

gt